

BẢN SỐ: 01.....

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 01 tháng 01 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo
bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia cho
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTr ngày 08/01/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thanh tra Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia cho Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế (sau đây viết tắt là Trường), Đoàn thanh tra theo Quyết định số 06/QĐ-TTr đã tiến hành thanh tra theo Kế hoạch.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trường Đoàn thanh tra, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ tại Tờ trình số 300/TTr-TTr ngày 24/12/2024 của Thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ GDĐT kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên dự án: Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia cho Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế (sau đây viết tắt là Dự án).

2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

3. Địa điểm đầu tư: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

4. Tổng dự toán đầu tư: 12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

5. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước (Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo).

6. Thời gian thực hiện: Năm 2014.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

1. Xác định nhu cầu đầu tư

Theo báo cáo của Trường tại Công văn số 2586/ĐHSP-TC&HC ngày 07/11/2024: Đảng ủy Trường có chủ trương chung về phương hướng, nhiệm vụ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 có định hướng về việc tìm kiếm các nguồn kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dạy học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tính cấp thiết được nêu trong thuyết minh Dự án gửi kèm Tờ trình số 1016/TTr-ĐHSP ngày 10/7/2014 của Trường về việc xin phê duyệt Dự án do

Phòng Kế hoạch - Tài chính là đơn vị đầu mối tham mưu xây dựng.

2. Khảo sát xây dựng Dự án và tổ chức thẩm định giá

a) Về việc khảo sát xây dựng Dự án:

Thời điểm thanh tra, Trường cung cấp tài liệu Hội nghị Kế hoạch tài chính năm 2014 phục vụ việc khảo sát lập Dự án, trong đó có nêu “*Đầu tư trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm cho các khoa, bộ môn. Các đơn vị có nhu cầu xây dựng các phòng thí nghiệm, thực hành hoàn chỉnh thì lập đề án để trường xin kinh phí từ các dự án*”.

b) Về việc thẩm định giá:

Trường thực hiện thuê đơn vị thẩm định giá theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn. Khi thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn, Trường không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt Nghị định số 63/2014/NĐ-CP). Khi ban hành Quyết định số 1544/QĐ-ĐHSP ngày 28/8/2014 phê duyệt chỉ định thầu đơn vị để hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá, Trường không có kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thẩm định giá và dự toán được phê duyệt theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

Trường không cung cấp được Bảng báo giá của các đơn vị, Chứng thư thẩm định giá số 288/CT-VFAVIETNAM ngày 23/9/2014 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam về việc thẩm định giá thiết bị dự án theo Hợp đồng đã ký với Trường¹; Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam không cung cấp được Chứng thư thẩm định giá số 288/CT-VFAVIETNAM ngày 23/9/2014 và hồ sơ, tài liệu liên quan làm căn cứ để ban hành Chứng thư thẩm định giá số 288/CT-VFAVIETNAM. Vì vậy, Đoàn thanh tra không có cơ sở xác định kết quả thẩm định giá như Trường đã báo cáo; không có cơ sở để đánh giá việc tuân thủ pháp luật của việc ban hành Chứng thư thẩm định giá số 288/CT-VFAVIETNAM đối với Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam.

Vụ Cơ sở vật chất (CSVV) không cung cấp được Chứng thư thẩm định giá số 288/CT-VFAVIETNAM. Việc Vụ CSVV (trước đây là Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, Đồ chơi trẻ em) không lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc thẩm định giá khi thẩm định, phê duyệt Dự án là thực hiện không đúng quy định tại điểm 171 mục 13 của Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ; điểm 70 mục 5 Phụ lục I thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ.

¹ Theo giải trình tại Báo cáo số 291/BC-ĐHSP ngày 30/01/2024, Trường đã thực hiện các nội dung nêu trên (được thể hiện thông qua nội dung Tờ trình, quyền Dự án) đã gửi kèm theo trong các giai đoạn trình Bộ GDĐT để được phê duyệt dự án. Trong quá trình gửi đã có sai sót trong việc sao lưu lại hồ sơ, chứng từ nên chưa tìm lại được các hồ sơ trên.

3. Việc thẩm định, phê duyệt dự án, giao vốn; thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Về việc thẩm định danh mục thiết bị đầu tư Dự án của Trường; thẩm định, phê duyệt dự án của Bộ:

Trường không cung cấp được Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1015/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2014 thành lập Hội đồng thẩm định thiết bị Dự án; Vụ CSVC không cung cấp được các hồ sơ, tài liệu Trường giải trình các nội dung thẩm định theo yêu cầu tại Công văn số 218/CSVCTH-TH-TB ngày 30/5/2014 về việc thẩm định Dự án, không cung cấp được Báo cáo thẩm định Dự án của Cục CSVCTBTH, ĐCTE tại thời điểm trình phê duyệt Dự án theo Quyết định số 2580/QĐ-BGDĐT ngày 23/7/2014. Vì vậy, Đoàn thanh tra không có cơ sở để đánh giá việc giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Trường theo Công văn số 218/CSVCTH-TH-TB, không có cơ sở để đánh giá Cục CSVCTBTH, ĐCTE có hay không báo cáo thẩm định khi trình lãnh đạo Bộ phê duyệt Dự án.

b) Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trường và Vụ CSVC không cung cấp được Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 198/TĐKHLCNT-CSVCTBTH ngày 06/10/2014 của Cục CSVCTBTH, ĐCTE. Vì vậy, Đoàn thanh tra không có cơ sở để đánh giá về việc Cục CSVCTBTH, ĐCTE thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với Dự án khi trình ban hành Quyết định số 4898/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ trưởng GDĐT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án.

Việc Cục CSVCTBTH, ĐCTE không lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc thẩm định, phê duyệt Dự án; thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là không thực hiện đúng quy định tại điểm 171 mục 13 của Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV; điểm 70 mục 5 Phụ lục I thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BNV; dẫn đến không có cơ sở để đánh giá việc tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật của Cục CSVCTBTH, ĐCTE liên quan đến các nội dung nêu trên.

II. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1. Tổ chức thực hiện Gói thầu số 1: Đầu tư mua sắm thiết bị các phòng nghiệp vụ sư phạm

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Trường thực hiện thuê đơn vị Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1 theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn. Khi thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn, Trường không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Trường không cung cấp được minh chứng về việc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thừa Thiên Huế có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu; không cung cấp được minh chứng về việc từng thành viên Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu, tổ chuyên gia xét thầu Gói thầu số 1

được thành lập theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHSP ngày 12/11/2014 của Hiệu trưởng đáp ứng điều kiện có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu, am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của gói thầu, có tối thiểu 3 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến nội dung kinh tế, kỹ thuật của gói thầu theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 21/2010/TT-BKH ngày 28/10/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 21/2010/TT-BKH).

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán thực hiện Dự án được Bộ GDĐT phê duyệt không có nội dung dự toán của Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1. Vì vậy, việc Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1736/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1 là không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu không có nội dung đánh giá về cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu không đề nghị bổ sung và vẫn kiến nghị Hiệu trưởng phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1.

Khi trình Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1750/QĐ-ĐHSP ngày 13/11/2014 phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Dự án trong đó có Gói thầu số 1, hồ sơ trình không có Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng:

- Biên bản mở thầu do Trường lập không có đánh giá chi tiết các nội dung kiểm tra về tính hợp lệ và sự đầy đủ của hồ sơ dự thầu theo quy định tại biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH ngày 21/4/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2010/TT-BKH).

- Tại một số nội dung của Biểu phạm vi cung cấp trong hồ sơ tham dự thầu của 03 nhà thầu, gồm: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ cao (sau đây viết tắt là Công ty HTC), Công ty Cổ phần Mopha (sau đây viết tắt là Công ty Mopha) và Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế (sau đây viết tắt là Công ty AIC) có một số lỗi chính tả cũng như cách trình bày giống nhau. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ để kết luận có sự "Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu" giữa các Công ty nêu trên, làm cơ sở xác định có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu số 1 chỉ có nội dung đánh giá đối với hồ sơ dự thầu của Công ty AIC, không có đánh giá đối với 2 nhà thầu còn lại; không có đánh giá chi tiết về việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 4, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-

BKH; Trường thực hiện đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá “đạt”, “không đạt” nhưng không có bảng tổng hợp kết quả đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa theo biểu mẫu số 8b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH đối với các nhà thầu đánh giá về kỹ thuật.

Sau khi có kết quả đánh giá về kỹ thuật và xếp hạng nhà thầu, Trường không tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Qua rà soát, đối chiếu các tiêu chí đánh giá của hồ sơ mời thầu cho thấy, nội dung Mô tả thông số kỹ thuật của máy tính xách tay dùng cho bục giảng điện tử và bảng tương tác, hồ sơ mời thầu yêu cầu máy tính xách tay phải được trang bị “Màn hình 14 inch”, trong khi đó thông số về kích thước màn hình máy tính xách tay dùng cho bục giảng điện tử và bảng tương tác lại không được thể hiện tại hồ sơ dự thầu của Công ty AIC. Tuy nhiên, Trường không yêu cầu nhà thầu làm rõ và Tổ chuyên gia vẫn đánh giá “ĐẠT” tại tiêu chí này². Sau khi có kết quả đánh giá về kỹ thuật và xếp hạng nhà thầu, Trường không tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu của Tổ thẩm định đối với Gói thầu số 1 có các vi phạm quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH ngày 21/4/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2010/TT-BKH) như sau:

+ Hồ sơ về pháp lý khi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Tuy nhiên, Tổ thẩm định vẫn đánh giá nội dung về cơ sở pháp lý “đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật về đấu thầu” là không đúng quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH.

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu Gói thầu số 1 là 11 ngày, không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, Tổ thẩm định vẫn đánh giá Trường tuân thủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định.

+ Trường không thực hiện việc đăng tải thông tin kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu, Điều 7 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, Tổ thẩm định vẫn có ý kiến thẩm định về việc đăng tải thông tin trong đấu thầu là “Tuân thủ”.

+ Nội dung Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có đánh giá về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

² Mặc dù hồ sơ dự thầu của Công ty AIC không nêu cụ thể thông số về kích thước màn hình của máy tính xách tay theo yêu cầu tại hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, tại Hợp đồng kinh tế số 10-12/2014 HĐKT-ĐHSP/AIC ngày 10/12/2014, Biên bản bàn giao thiết bị ngày 26/12/2014 ký giữa Trường và Công ty AIC đều có ghi kích thước màn hình của máy tính xách tay là 14 inch theo yêu cầu tại hồ sơ yêu cầu.

- Ngày 08/12/2014, Trường có 03 công văn thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gửi các công ty (Công văn số 1957/ĐHSP gửi Công ty AIC, Công văn số 1958/ĐHSP gửi Công ty HTC, Công văn số 1959/ĐHSP gửi Công ty Mopha). Tuy nhiên, công văn gửi các Công ty nêu trên không có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng; tạm ứng, thanh toán, thanh lý, quyết toán hợp đồng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm:

- Ngày 29/12/2014, Công ty AIC có Công văn số 2555a/AIC-BQL&PTDA4 thông báo tiến độ thực hiện Hợp đồng kinh tế số 10-12/2014 HĐKT-ĐHSP/AIC gửi Trường đề nghị xem xét giãn thời gian giao hàng với lý do thời gian giao hàng, lắp đặt trùng vào dịp cuối năm (Tết dương lịch và lễ Giáng sinh) nên việc sản xuất, vận chuyển và bàn giao thiết bị bị chậm. Tuy nhiên, Công ty AIC không có văn bản của các hãng sản xuất thiết bị làm minh chứng gửi kèm Công văn số 2555a/AIC-BQL&PTDA4.

Việc Trường chỉ dựa vào đề nghị của Công ty AIC tại Công văn số 2555a/AIC-BQL&PTDA4 và không yêu cầu xuất trình các minh chứng về việc chậm trễ trong quá trình sản xuất, vận chuyển thiết bị. Do đó, việc Trường ký Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 1 với Công ty AIC là chưa có đầy đủ cơ sở chứng minh trên thực tế thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 67 Luật Đấu thầu.

- Khi thực hiện gia hạn hợp đồng, Trường và Công ty AIC không thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với thời gian gia hạn là vi phạm quy định khoản 4 Điều 66 Luật Đấu thầu³.

- Danh mục thiết bị kèm theo Biên bản nghiệm thu thiếu thông tin về Serial number đối với các thiết bị có gắn Serial number. Do đó, không đủ cơ sở để kiểm tra thực tế.

- Hợp đồng của Gói thầu số 1 có nội dung bên bán phải cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành, bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp và hướng dẫn nhân sự cho bên mua về việc lắp đặt chạy thử vận hành máy móc thiết bị được cung cấp. Vì vậy, trách nhiệm của bên bán là phải thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua. Tuy nhiên, Trường không có tài liệu minh chứng về việc Công ty AIC đã thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua.

2. Tổ chức thực hiện Gói thầu số 2: Đầu tư mua sắm thiết bị dùng chung, hạ tầng mạng, công cụ hỗ trợ và phần mềm hệ thống phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Trường thực hiện thuê đơn vị Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2 theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn. Khi thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn,

³ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Chi nhánh Thăng Long phát hành ngày 10/12/2014, có hiệu lực đến ngày 29/12/2014. Tuy nhiên, thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài đến ngày 30/11/2015 nhưng Công ty AIC và Trường không đề nghị Ngân hàng gia hạn thời gian bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với thời gian gia hạn.

Trường không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Trường không cung cấp được minh chứng về việc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thừa Thiên Huế có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu; không cung cấp được minh chứng về việc từng thành viên Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu, tổ chuyên gia xét thầu Gói thầu số 2 được thành lập theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHSP ngày 12/11/2014 của Hiệu trưởng đáp ứng điều kiện có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu, am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của gói thầu, có tối thiểu 3 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến nội dung kinh tế, kỹ thuật của gói thầu theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 21/2010/TT-BKH.

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán thực hiện Dự án được Bộ GDĐT phê duyệt không có nội dung dự toán của Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2. Vì vậy, việc Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1735/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2 là không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu không có nội dung đánh giá về cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu không đề nghị bổ sung và vẫn kiến nghị Hiệu trưởng phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2.

Khi trình Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1750/QĐ-ĐHSP ngày 13/11/2014 phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Dự án trong đó có Gói thầu số 2, hồ sơ trình không có Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng:

- Biên bản mở thầu do Trường lập không có đánh giá chi tiết các nội dung kiểm tra về tính hợp lệ và sự đầy đủ của hồ sơ dự thầu theo quy định tại biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH.

- Tại một số nội dung của Biểu phạm vi cung cấp trong hồ sơ tham dự thầu của 04 nhà thầu: Công ty HTC, Công ty Mopha, Công ty AIC và Công ty Cổ phần Quốc tế MBA (sau đây viết tắt là Công ty MBA) có một số lỗi chính tả cũng như cách trình bày giống nhau. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ để kết luận có sự “Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu” giữa các Công ty nêu trên, làm cơ sở xác định có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu số 2 chỉ có nội dung đánh giá đối với hồ sơ dự thầu của Công ty AIC, Công ty MBA, không có đánh giá đối với 2 nhà thầu còn lại; không có đánh giá chi tiết về việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 4, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số

09/2010/TT-BKH; Trường thực hiện đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá “đạt”, “không đạt” nhưng không có bảng tổng hợp kết quả đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa theo biểu mẫu số 8b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH đối với các nhà thầu đánh giá về kỹ thuật.

Sau khi có kết quả đánh giá về kỹ thuật và xếp hạng nhà thầu, Trường không tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu của Tổ thẩm định đối với Gói thầu số 2 có các vi phạm quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH như sau:

+ Hồ sơ về pháp lý khi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Tuy nhiên, Tổ thẩm định vẫn đánh giá nội dung về cơ sở pháp lý “đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật về đấu thầu” là không đúng quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH.

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu Gói thầu số 2 là 11 ngày, không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, tại Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Tổ thẩm định vẫn đánh giá Trường tuân thủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định.

+ Trường không thực hiện việc đăng tải thông tin kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu, Điều 7 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP nhưng Tổ thẩm định vẫn có ý kiến thẩm định về việc đăng tải thông tin trong đấu thầu là “Tuân thủ”.

+ Nội dung Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có đánh giá về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Ngày 08/12/2014, Trường có 03 công văn thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gửi các công ty (Công văn số 1960/ĐHSP gửi Công ty MBA, Công văn số 1961/ĐHSP gửi Công ty HTC, Công văn số 1962/ĐHSP gửi Công ty Mopha, Công văn số 1963/ĐHSP gửi Công ty AIC). Tuy nhiên, công văn gửi các Công ty nêu trên không có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng; tạm ứng, thanh toán, thanh lý, quyết toán hợp đồng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm:

- Danh mục thiết bị kèm theo Biên bản nghiệm thu thiếu thông tin về Serial number đối với các thiết bị có gắn Serial number. Do đó, không đủ cơ sở để kiểm tra thực tế.

- Hợp đồng của Gói thầu số 2 có nội dung bên bán phải cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành, bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp và hướng dẫn nhân sự cho bên mua về việc lắp đặt chạy thử vận hành máy móc thiết bị được cung cấp. Vì vậy, trách nhiệm của bên bán là phải thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua. Tuy nhiên, Trường không có tài liệu minh chứng

về việc Công ty MBA đã thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua.

3. Tổ chức thực hiện Gói thầu số 3: Đầu tư mua sắm thiết bị đổi mới phương pháp dạy học Địa lý và Hóa học

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Trường thực hiện thuê đơn vị Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 3 theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn. Khi thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn, Trường không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Trường không cung cấp được minh chứng về việc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thừa Thiên Huế có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu; không cung cấp được minh chứng về việc từng thành viên Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu, tổ chuyên gia xét thầu Gói thầu số 3 được thành lập theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHSP ngày 12/11/2014 của Hiệu trưởng đáp ứng điều kiện có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu, am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của gói thầu, có tối thiểu 3 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến nội dung kinh tế, kỹ thuật của gói thầu theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 21/2010/TT-BKH.

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán thực hiện Dự án được Bộ GDĐT phê duyệt không có nội dung dự toán của Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Vì vậy, việc Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1734/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 3 là không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu không có nội dung đánh giá về cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Khi trình Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 1750/QĐ-ĐHSP ngày 13/11/2014 phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Dự án trong đó có Gói thầu số 3, hồ sơ trình không có Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng:

- Biên bản mở thầu do Trường lập không có đánh giá chi tiết các nội dung kiểm tra về tính hợp lệ và sự đầy đủ của hồ sơ dự thầu theo quy định tại biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH.

- Tại một số nội dung của Biểu phạm vi cung cấp trong hồ sơ dự thầu của 04 nhà thầu (Công ty TNHH Thiết bị Khoa học công nghệ Khải Minh, Công ty Mopha, Công ty AIC và Công ty TNHH Khoa Trí) có một số lỗi chính tả cũng như cách trình bày giống nhau. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ để kết luận có sự “Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu” giữa các Công ty nêu trên, làm cơ sở xác định có

hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu số 3 chỉ có các biểu tổng hợp, biểu đánh giá về kỹ thuật đối với hồ sơ dự thầu của Công ty TNHH Khoa Trí, Công ty AIC, không có đánh giá đối với 2 nhà thầu còn lại; không có đánh giá chi tiết về việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 4, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với từng nhà thầu theo biểu mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH; Trường thực hiện đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá “đạt”, “không đạt” nhưng không có bảng tổng hợp kết quả đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa theo biểu mẫu số 8b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH đối với các nhà thầu đánh giá về kỹ thuật.

Sau khi có kết quả đánh giá về kỹ thuật và xếp hạng nhà thầu, Trường không tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu của Tổ thẩm định đối với Gói thầu số 3 có các vi phạm quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH như sau:

+ Hồ sơ về pháp lý khi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu nhưng Tổ thẩm định vẫn đánh giá nội dung về cơ sở pháp lý “đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật về đấu thầu” là không đúng quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH.

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu Gói thầu số 3 là 11 ngày, không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, tại Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Tổ thẩm định vẫn đánh giá Trường tuân thủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định.

+ Trường không thực hiện việc đăng tải thông tin kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu, Điều 7 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, Tổ thẩm định vẫn có ý kiến thẩm định về việc đăng tải thông tin trong đấu thầu là “Tuân thủ”.

+ Nội dung Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không có đánh giá về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Ngày 08/12/2014, Trường có 03 công văn thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gửi các công ty (Công văn số 1964/ĐHSP gửi Công ty TNHH Khoa Trí, Công văn số 1965/ĐHSP gửi Công ty TNHH Thiết bị Khoa học công nghệ Khải Minh, Công văn số 1966/ĐHSP gửi Công ty Mopha, Công văn số 1976/ĐHSP gửi Công ty AIC). Tuy nhiên, công văn gửi các Công ty nêu trên không có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng; tạm ứng, thanh toán, thanh lý, quyết toán hợp đồng; nghiệm thu và bàn giao sản phẩm:

- Ngày 19/12/2014, Công ty TNHH Khoa Trí có Công văn số 125/KTC-SPH gửi Trường về việc thay đổi model/hãng sản xuất đối với 05 thiết bị, gồm: Camera quan sát màu, Đầu ghi hình, Máy quét phim (máy chiếu vật thể), Máy scan, Thiết bị định vị toàn cầu so với danh mục thiết bị đã ký kết kèm theo Hợp đồng kinh tế số 1012A/2014/HĐKT-ĐHSP. Lý do Công ty TNHH Khoa Trí đề nghị Trường gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với Gói thầu số 3 là do thời gian giao hàng trùng vào dịp cuối năm (Tết dương lịch và lễ Giáng sinh) nên việc sản xuất, vận chuyển và bàn giao thiết bị bị chậm. Tuy nhiên, hồ sơ do Trường cung cấp chỉ có văn bản của nhà sản xuất Nabertherm/Đức ngày 23/12/2014 gửi Công ty TNHH Khoa Trí, không có văn bản của Nhà sản xuất Fristch/Đức ngày 22/12/2014 như nêu trong nội dung tại Công văn số 1912/CV-KT/2014. Đồng thời, lý do chậm giao hàng của nhà sản xuất Nabertherm/Đức nêu tại thư gửi Công ty TNHH Khoa Trí là “do xảy ra vụ cháy lớn tại Bahnhofstr, 28865 Lilienthal, Đức nơi đặt nhà máy”, không phải lý do như Công ty TNHH Khoa Trí nêu tại Công văn số 1912/CV-KT/2014 gửi Trường.

Trường dựa vào đề nghị của Công ty TNHH Khoa Trí tại Công văn số 1912/CV-KT/2014 như nêu trên là chưa đủ căn cứ. Do đó, việc Trường ký Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 3 với Công ty TNHH Khoa Trí là chưa có đầy đủ cơ sở chứng minh trên thực tế thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 67 Luật Đấu thầu.

- Khi thực hiện gia hạn hợp đồng, Trường và Công ty TNHH Khoa Trí không thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với thời gian gia hạn là vi phạm quy định khoản 4 Điều 66 Luật Đấu thầu⁴.

- Danh mục thiết bị kèm theo Biên bản nghiệm thu thiếu thông tin về Serial number đối với các thiết bị có gắn Serial number. Do đó, không đủ cơ sở để kiểm tra thực tế.

- Hợp đồng của Gói thầu số 3 có nội dung bên bán phải cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành, bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp và hướng dẫn nhân sự cho bên mua về việc lắp đặt chạy thử vận hành máy móc thiết bị được cung cấp. Vì vậy, trách nhiệm của bên bán là phải thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua. Tuy nhiên, Trường không có tài liệu minh chứng về việc Công ty TNHH Khoa Trí đã thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho bên mua.

III. KẾT THÚC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do Trường cung cấp cho thấy, Trường chưa thực hiện quyết toán Dự án là không đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

⁴ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Chi nhánh Thăng Long phát hành ngày 10/12/2014, có hiệu lực đến ngày 29/12/2014. Tuy nhiên, thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài đến ngày 30/11/2015 nhưng Công ty AIC và Trường không đề nghị Ngân hàng gia hạn thời gian bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Việc bố trí vốn, giải ngân, quyết toán Dự án

Dự án đã được giao đầy đủ kinh phí thực hiện tại các Quyết định số 918/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 và Quyết định số 3216/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2014 theo quy định tại Thông tư số 199/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; việc bố trí vốn bảo đảm tiến độ thực hiện, không có điều chỉnh về tổng mức đầu tư, không bị nợ đọng vốn và giải ngân theo tiến độ đã được phê duyệt.

Tổng giá trị thực hiện thực tế là 12.340.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)/12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm nghìn đồng) kinh phí được phê duyệt. Tỷ lệ giải ngân đạt 98,73%; số kinh phí không sử dụng hết tương ứng với số tiền 159.158.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng). Ngày 29/01/2016, Trường có Công văn số 337/ĐHSP-KHTC gửi Đại học Huế báo cáo và giải trình số dư dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 chuyển sang năm 2016, đề nghị nộp trả lại số tiền 159.158.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước. Trường đã tiến hành lập biểu số 02A/ĐVDT hủy số dư dự toán số tiền nêu trên với Kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2. Việc tiếp nhận chiết khấu, hoa hồng theo thỏa thuận và tỉ lệ phân chia giữa các đơn vị, cá nhân (nếu có)

Với những nội dung kiểm tra, xác minh nêu trên, Đoàn thanh tra chưa có cơ sở xác định có việc tiếp nhận chiết khấu, hoa hồng theo thỏa thuận; chưa có cơ sở xác định có tỉ lệ phân chia giữa các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện Dự án

3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện Dự án

Dự án được phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu vào ngày 27/10/2014 theo Quyết định số 4898/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT, thời gian thực hiện năm 2014. Như vậy, Trường chỉ có 02 tháng để triển khai thực hiện từ thời điểm Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc thực hiện trong thời gian rất ngắn cũng khó khăn cho việc triển khai thực hiện Dự án, dẫn đến phải chuyển một phần nguồn vốn thực hiện sang năm 2015.

4. Việc giám sát đầu tư; việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị của Dự án khi đưa vào sử dụng

a) Việc giám sát đầu tư:

Việc thực hiện giám sát trong quá trình bàn giao lắp đặt được xác nhận giữa đơn vị thực hiện bàn giao và đại diện Trường, đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng thể hiện ở các Biên bản nghiệm thu kỹ thuật, Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị của Dự án khi đưa vào sử dụng:

Theo báo cáo của Trường, Dự án đã giúp cho Trường được đầu tư tăng cường trang thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ hiệu quả việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; việc này thể hiện thông qua ý kiến trao đổi của giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, Trường không thực hiện báo cáo quản lý, sử dụng tài sản của Dự án sau khi đưa vào sử dụng theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

C. KẾT LUẬN

I. NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

Khi đề xuất xây dựng Dự án, Trường đã đánh giá sự cần thiết đầu tư đề trình Bộ GDĐT xem xét phê duyệt theo quy định. Sau khi Bộ GDĐT phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giao vốn, Trường đã tổ chức triển khai thực hiện các gói thầu theo các bước: Lập và phê duyệt Hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng; ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu và thực hiện hợp đồng; nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

II. HẠN CHẾ, THIẾU SÓT, VI PHẠM

1. Hạn chế, thiếu sót

a) Chuẩn bị đầu tư:

Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị của Dự án thành lập theo Quyết định số 1015/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2014 không triển khai họp thẩm định thiết bị Dự án để đề nghị điều chỉnh các thiết bị theo ý kiến thẩm định của Cục CSVCTBTH, ĐCTE tại Công văn số 218/CSVCTHTH-TB.

b) Thực hiện đầu tư:

- Danh mục thiết bị kèm theo Biên bản nghiệm thu của cả 3 Gói thầu thuộc Dự án đều thiếu thông tin về Serial number đối với các thiết bị có gắn Serial number. Do đó, không đủ cơ sở để kiểm tra thực tế⁵.

- Các nhà thầu của cả 3 gói thầu thuộc Dự án đều không thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho Trường (với vai trò bên mua hàng) theo đúng nội dung của Hợp đồng (Công ty AIC đối với Gói thầu số 1, Công ty MBA đối với Gói thầu số 2, Công ty TNHH Khoa Trí đối với Gói thầu số 3).

- Tại một số nội dung của Biểu phạm vi cung cấp trong hồ sơ dự thầu của cả 03 Gói thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu tham gia từng Gói thầu đều có một số lỗi chính tả cũng như cách trình bày giống nhau. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ để kết luận có sự “Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu” giữa các Công ty nêu trên, làm cơ

⁵ Trường có Báo cáo số 292/BC-ĐHSP ngày 30/01/2024 hiện trạng quản lý và sử dụng thiết bị của Dự án và cam kết các nội dung trong báo cáo là chính xác, chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo. Ngày 11/7/2024, Trường có Báo cáo số 1511/BC-ĐHSP về việc bàn giao thiết bị của Dự án, theo đó cung cấp kèm theo Giấy chứng nhận CO/CQ đối với 43 thiết bị.

sở xác định có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu.

2. Vi phạm

a) Chuẩn bị đấu tư:

- Trường thực hiện thuê đơn vị thẩm định giá theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn nhưng không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP; không có kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thẩm định giá và dự toán được phê duyệt theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Cục CSVCTBTH, ĐCTE không lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc xây dựng, trình, thẩm định, phê duyệt Dự án vi phạm quy định tại điểm 171 mục 13 Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV; điểm 70 mục 5 Phụ lục I thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BNV.

b) Thực hiện đấu tư:

- Khi thực hiện thuê đơn vị Tư vấn lập hồ sơ mời thầu cả 3 Gói thầu thuộc Dự án theo thủ tục chỉ định thầu rút gọn, Trường không thực hiện thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP; Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thừa Thiên Huế là đơn vị được Trường chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu nhưng không có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu, tổ chuyên gia xét thầu cả 3 Gói thầu thuộc Dự án ban hành theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHSP không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 21/2010/TT-BKH.

- Trường ban hành Quyết định số 1736/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1; ban hành Quyết định số 1735/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2; ban hành Quyết định số 1734/QĐ-ĐHSP ngày 03/11/2014 phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Gói thầu số 3 khi không có kế hoạch lựa chọn nhà thầu là không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu.

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu cả 3 Gói thầu đều không có nội dung đánh giá về cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Khi phê duyệt Hồ sơ mời thầu 03 gói thầu thuộc Dự án, hồ sơ trình không có Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP nhưng Hiệu trưởng vẫn ban hành Quyết định phê duyệt.

- Biên bản mở thầu của cả 3 Gói thầu thuộc Dự án đều không có đánh giá chi tiết các nội dung kiểm tra về tính hợp lệ và sự đầy đủ của hồ sơ dự thầu theo biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BKH.

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của cả 3 gói thầu thuộc Dự án đều có một số vi phạm quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BKH như đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh của Kết luận này.

- Sau khi có kết quả đánh giá về kỹ thuật và xếp hạng nhà thầu, Trường không tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của cả 3 Gói thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu cả 3 Gói thầu thuộc Dự án của Tổ thẩm định đều có một số vi phạm quy định tại Thông tư số 08/2010/TT-BKH như đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh của Kết luận này.

- Sau khi có kết quả kết quả lựa chọn nhà thầu của 3 Gói thầu thuộc Dự án, văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu của Trường gửi các Công ty trúng thầu và Công ty không trúng thầu, không có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

- Việc Trường đồng ý gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 1 với Công ty AIC; gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 3 với Công ty TNHH Khoa Trí là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 67 Luật Đấu thầu.

- Khi thực hiện gia hạn hợp đồng Gói thầu số 1 và Gói thầu số 3, Trường và nhà thầu không làm thủ tục bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với thời gian gia hạn là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật Đấu thầu.

c) Kết thúc thực hiện Dự án:

Trường chưa thực hiện quyết toán Dự án là không đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 19/2011/TT-BTC.

d) Đánh giá kết quả thực hiện Dự án:

Trường không thực hiện việc báo cáo quản lý, sử dụng tài sản của Dự án sau khi đưa vào sử dụng theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

III. NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM

1. Nguyên nhân

- Nhận thức về pháp luật và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của lãnh đạo Trường và bộ phận tham mưu vào thời điểm thực hiện Dự án đầu tư còn chưa kịp thời dẫn tới việc thực hiện nhiệm vụ chưa bảo đảm đúng theo quy định. Thời điểm Trường lập dự án vào tháng 7/2014; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ GDĐT phê duyệt ngày 27/10/2014, Nghị định số 63/2014 có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, Trường chưa nghiên cứu áp dụng kịp thời các quy định của Nghị định mới dẫn đến có những hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong việc thực hiện.

- Công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ của Trường và Đại học Huế chưa được coi trọng đúng mức, chưa thường xuyên và hiệu quả.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Bộ GDĐT, thời gian còn lại trong năm 2014 để triển khai thực hiện Dự án không còn nhiều, trong khi đó việc tổ chức đấu thầu phải tuân thủ theo nhiều thủ tục chặt

chế, dẫn đến khó khăn trong việc Trường phải bảo đảm tiến độ thực hiện Dự án trong năm.

- Công tác kiểm tra, giám sát của đơn vị chức năng thuộc Bộ chưa sâu sát, chưa thường xuyên dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện và sau khi thực hiện Dự án.

2. Trách nhiệm

Các hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra thuộc trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong thời gian tổ chức triển khai và thực hiện Dự án, gồm:

a) Giám đốc Đại học Huế tại thời điểm Trường tổ chức triển khai và thực hiện Dự án chịu trách nhiệm chung với vai trò người đứng đầu đơn vị trực tiếp quản lý Trường theo phân cấp quản lý về dự án đầu tư; chịu trách nhiệm trong việc để xảy ra hạn chế, thiếu sót liên quan đến việc Đại học Huế trình Bộ GDĐT chuyển số dư dự toán ngân sách năm 2014 sang năm 2015 là không phù hợp;

b) Phó Giám đốc Đại học Huế tại thời điểm Trường tổ chức triển khai và thực hiện Dự án chịu trách nhiệm trong việc để xảy ra các hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra đối với lĩnh vực thuộc phạm vi được phân công phụ trách liên quan đến việc tổ chức triển khai và thực hiện Dự án của Trường (nếu có);

c) Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế tại thời điểm năm 2014, 2015 chịu trách nhiệm chung với vai trò người đứng đầu và chịu trách nhiệm trong việc để xảy ra các hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra đối với lĩnh vực thuộc phạm vi phụ trách;

d) Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế phụ trách công tác quản lý dự án đầu tư cơ sở vật chất tại thời điểm Trường tổ chức triển khai và thực hiện Dự án chịu trách nhiệm trong việc để xảy ra các hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra đối với lĩnh vực thuộc phạm vi được phân công phụ trách;

đ) Trưởng đơn vị tham mưu việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Dự án và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc Trường chịu trách nhiệm trong việc tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ để xảy ra các hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra trong từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Tổ thẩm định đánh giá hồ sơ dự thầu chịu trách nhiệm về các vi phạm trong việc đánh giá hồ sơ dự thầu; Tổ thẩm định đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu chịu trách nhiệm về các vi phạm trong việc đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

Đ. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. ĐỐI VỚI ĐẠI HỌC HUẾ VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC HUẾ

1. Chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục hậu quả và xử lý trách nhiệm

a) Đối với Đại học Huế:

- Hội đồng Đại học Huế tổ chức kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với các đơn vị, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra.

- Giám đốc Đại học Huế:

+ Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với các đơn vị, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra.

+ Chỉ đạo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế và các đơn vị thành viên thuộc Đại học Huế nghiêm túc thực hiện các quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật về đấu thầu.

+ Rà soát tổng thể việc thực hiện công tác đấu thầu, tổ chức triển khai các dự án của Đại học Huế và các đơn vị thành viên để kịp thời chấn chỉnh và khắc phục các hạn chế, thiếu sót, vi phạm; trường hợp phát hiện các vi phạm vượt thẩm quyền xử lý thì chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển cơ quan công an để điều tra làm rõ.

+ Có giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ viên chức thực hiện dự án đầu tư và công tác đấu thầu của các đơn vị thành viên.

b) Đối với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế:

- Nghiêm túc thực hiện các quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật về đấu thầu.

- Hội đồng trường Trường tổ chức kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với các đơn vị, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra.

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế:

+ Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với các đơn vị, cá nhân để xảy ra hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra.

+ Rà soát tổng thể việc thực hiện công tác đấu thầu, tổ chức triển khai các dự án, thực hiện giám sát về công tác thực hiện pháp luật về đấu thầu của Trường để kịp thời chấn chỉnh và khắc phục các hạn chế, thiếu sót, vi phạm; trường hợp phát hiện các vi phạm vượt thẩm quyền xử lý thì chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển cơ quan công an điều tra làm rõ.

+ Có giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ viên chức thực hiện dự án đầu tư và công tác đấu thầu của Trường.

2. Tổ chức thực hiện

Trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, ghi rõ lộ trình, giải pháp thực hiện những hạn

chế, thiếu sót, vi phạm. Báo cáo kết quả khắc phục và việc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra về Bộ GDĐT (qua Thanh tra Bộ và Vụ CSVCS) sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận này.

II. KIẾN NGHỊ BỘ TRƯỞNG BỘ GDĐT GIAO

1. Vụ Cơ sở vật chất

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình, đề án đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học đã được phê duyệt.

- Đối với các Dự án mua sắm thiết bị có thời gian thực hiện trong năm được phê duyệt; khi trình phê duyệt Dự án, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần đánh giá tính khả thi của việc triển khai thực hiện.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư tại các đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức xác định trách nhiệm và kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân liên quan đến việc không lưu trữ đầy đủ hồ sơ thẩm định, phê duyệt Dự án theo quy định.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Tổ chức việc xét duyệt quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm sử dụng cho các dự án của các đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT theo quy định.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

Theo dõi thực hiện việc kiểm điểm trách nhiệm và xem xét tham mưu Bộ trưởng kiểm điểm trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý (nếu có) trong việc để xảy ra hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra theo quy định pháp luật.

4. Thanh tra

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra, tổng hợp kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra để báo cáo lãnh đạo Bộ theo quy định.

Các đơn vị hoàn thành việc báo cáo Bộ trưởng theo các kiến nghị trên (qua Thanh tra) sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra được công khai./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (để báo cáo);
- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Vụ CSVCS, Vụ KHTC, Vụ TCCB (để phối hợp; gửi sau khi công khai KLTT qua Eoffice);
- Đại học Huế (để thực hiện);
- Trường ĐH Sư phạm - Đại học Huế (để thực hiện);
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTT (11b); được sao chụp sau khi công khai KLTT. Nguyễn Thị Cường

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đức Cường